

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-11-2021.

V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Bà Nguyễn Hà Quế Phương

-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Thanh T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: phường P, Thành phố N, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện nay: khu N, Thành phố C, Đà Loan.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:*** Ông và bà Trần Thị L quen biết, yêu thương nhau do cùng đi du học tại Đà Loan. Sau đó cả hai kết hôn, chung sống tại Đà Loan và đã được Văn phòng Kinh tế văn hoá Việt Nam tại Đà bắc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/11/2012. Quá trình chung sống, ông và bà L có 2 con chung. Tháng 3 năm 2020 ông về Việt Nam và ở lại luôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn và thời gian xa cách làm tình cảm phai nhạt. Nay cả hai thống nhất xin ly hôn do khả năng hàn gắn, đoàn tụ không còn.

Về con chung: Có 2 con chung gồm: Lê Hiếu L sinh ngày 11/01/2013 và Lê Khôi N sinh ngày 25/11/2017. Hiện các cháu đang sống ở Đài Loan với mẹ. Bà L làm giáo viên dạy tiếng Việt, thu nhập cao, đủ điều kiện và khả năng nuôi dạy các con tốt nên ông đồng ý tiếp tục giao các con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông sẽ chu cấp cho các con theo khả năng. Vấn đề này ông và bà L tự trao, đổi thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hiện bà đang làm việc tại Đài Loan và vì dịch bệnh không thể về Việt Nam được, bà xin vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị L có văn bản tự khai trình bày: Quá trình bà và ông T quen biết và kết hôn đúng như ông T khai. Do hiện không sống chung, tình cảm phai nhạt. Bà được biết ông T đang làm thủ tục ly hôn với bà tại Toà án nên bà cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: có 2 cháu như ông T khai. Bà đồng ý tiếp tục nuôi 2 con. Hiện các cháu đang ở với bà. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai và đơn xin vắng mặt của bà L đã được Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực.

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về Quan hệ pháp luật: Cả hai đều xác định do sống ở xa, tình cảm phai nhạt và cùng thống nhất xin ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh T là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận. Giao 2 cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Thanh T và bị đơn bà Trần Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Lê Thanh T xét thấy: Ông Lê Thanh T và bà Trần Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cơ quan có thẩm quyền của Việt nam cấp

Giấy chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của các đương sự là hợp pháp. Cả hai đều xác định, sau khi kết hôn, hai người đều chung sống ở Đà Loan, có 2 con chung. Từ tháng 3 năm 2020, ông T về Việt nam sinh sống và hai bên mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay cả hai đều xác định do sống ở xa, tình cảm phai nhạt và cùng thống nhất xin ly hôn nên yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Đương sự khai và cung cấp giấy khai sinh chứng minh có hai con chung gồm các cháu: Lê Hiếu L sinh ngày 11/01/2013 và Lê Khôi N sinh ngày 25/11/2017. Hiện các cháu đang sống ở Đà Loan với mẹ. Bà L làm giáo viên dạy tiếng Việt, thu nhập cao, đủ điều kiện và khả năng nuôi dạy các con tốt nên ông T đồng ý tiếp tục giao các con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông sẽ chu cấp cho các con theo khả năng. Bà L thì có ý kiến xin được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Nên giao 2 cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải trực tiếp nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu án phí LHST là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 464, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 89, 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Xin ly hôn” của ông Lê Thanh T.

Ông Lê Thanh T được ly hôn bà Trần Thị L.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Lê Hiếu L sinh ngày 11/01/2013 và Lê Khôi N sinh ngày 25/11/2017 cho bà Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không phải đóng góp chi phí nuôi con chung.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi có yêu cầu của các đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông Lê Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0002573 ngày 09/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí ông T phải chịu. Ông Lê Thanh T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Bà L được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Tuyền